

TƯ TƯỞNG YÊU NƯỚC CỦA HƯNG ĐẠO VƯƠNG TRẦN QUỐC TUẤN

BÙI HUY DU*

Cuộc đời, sự nghiệp và tư tưởng yêu nước của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn đã để lại dấu ấn đậm nét trong lịch sử tư tưởng Việt Nam; tinh thần yêu nước của ông thể hiện rõ qua cả tư tưởng chính trị lẫn quân sự. Nghiên cứu phân tích tinh thần yêu nước của Hưng Đạo Vương qua quan điểm khoan thư sức dân, ý chí bảo vệ độc lập dân tộc và các tư tưởng quân sự nổi bật như lấy yếu chế mạnh, tinh thần đoàn kết bảo vệ đất nước... Những luận điểm đó đã trở thành di sản tư tưởng của dân tộc và vẫn luôn là những bài học quý giá cho các thế hệ người Việt Nam trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Từ khóa: Trần Quốc Tuấn, yêu nước, khoan thư sức dân, tư tưởng quân sự

Nhận bài ngày: 06/02/2025; đưa vào biên tập: 08/02/2025; phản biện: 26/02/2025; duyệt đăng: 12/4/2025

1. DẪN NHẬP

Trần Quốc Tuấn (陳國峻, 1228 - 1300), tước hiệu Hưng Đạo đại vương, thường được gọi là Trần Hưng Đạo (陳興道) sinh tại làng Tức Mặc, huyện Mỹ Lộc, Nam Định, là con trai thứ ba của Khâm Minh đại vương Trần Liễu. Ông là nhà chính trị, nhà quân sự, tôn thất hoàng gia Đại Việt thời Trần. Sau khi qua đời dân gian đã suy tôn ông thành Đức Thánh Trần (德聖陳) hay còn gọi là Cữu Thiên Vũ Đế (九天武帝).

Trong các cuộc chiến bảo vệ độc lập dân tộc trước quân Nguyên, với sự chỉ đạo chiến lược thiên tài, ông và quân dân Đại Việt làm nên chiến thắng hiển hách ở Chương Dương, Hàm Tử, Vạn Kiếp, Bạch Đằng, ông xứng danh anh hùng dân tộc của mọi thời đại. Trên cơ sở kế thừa, tổng kết tư tưởng quân sự qua các thời đại cùng với tri thức và kinh nghiệm của bản thân, ông đã để lại các tác phẩm nổi tiếng như: *Binh gia diệu lý yếu lược* còn gọi là *Binh thư yếu lược*; *Dụ chư tỳ tướng hịch văn*, còn gọi là *Hịch tướng sĩ*; *Vạn Kiếp tông bí truyền thư* hay còn gọi là *Vạn kiếp binh thư*), và

* Trường Đại học Cửu Long.

các bài *Đáp quốc vương tặc thế chi vấn* (Trả lời nhà vua hỏi về thế giặc); *Lâm chung di chúc* (Căn dặn trước khi mất). Nổi bật trong các tác phẩm trên là tư tưởng yêu nước sâu sắc của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn thể hiện qua các tư tưởng độc đáo về chính trị và quân sự.

Sử dụng nguồn tư liệu từ các tác phẩm của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn đã được dịch và xuất bản cùng các nghiên cứu đã công bố, bài viết tìm hiểu tư tưởng yêu nước của ông nhằm thêm góc nhìn về lịch sử tư tưởng Việt Nam thời Lý Trần.

2. NỘI DUNG

Yêu nước là một trong những nội dung sâu sắc nhất trong tư tưởng của Trần Quốc Tuấn, không chỉ gắn với lợi ích của dòng tộc và vương triều mà trên hết gắn với sự hưng suy của quốc gia, sự tồn vong của dân tộc, sự yên bình, no ấm của muôn dân. Đối với Trần Quốc Tuấn, tinh thần yêu nước của một quan lại quý tộc là phải “dốc hết lòng trung nghĩa” báo đền ơn vua, trả nợ nước. Với tấm lòng yêu nước thiết tha và với niềm tin sắt đá vào cuộc chiến tranh chính nghĩa của dân tộc, ngay cả khi vận nước nguy nan, bọn quý tộc hèn nhát, phản bội là Trần Kiện, Trần Ích Tắc đem mình đầu hàng giặc, Trần Quốc Tuấn vẫn giữ vững khí tiết. Ông khẳng khái nói với vua Trần: “Xin bệ hạ chém đầu thần đi trước rồi hãy hàng!” (theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, 1988: 81).

Tư tưởng yêu nước ở Trần Quốc Tuấn có nội hàm sâu sắc và sinh động,

được thể hiện ở một số tư tưởng chủ đạo về chính trị và quân sự như: quan điểm về “khoan sức dân”; lòng căm thù giặc và ý chí quyết tâm giết giặc cứu nước; tinh thần đoàn kết chống giặc, vượt qua những mâu thuẫn cá nhân vào thời điểm cần tập trung sức mạnh cho cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm.

2.1. Tư tưởng yêu nước thể hiện qua lòng căm thù giặc và ý chí giết giặc cứu nước

Trong *Dụ chư tỳ tướng hịch văn*, Trần Quốc Tuấn viết: “Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ giận chưa thể xả thịt, lột da, ăn gan, uống máu quân thù; dẫu cho trăm thân ta phơi ngoài nội cỏ, nghìn thân ta bọc trong da ngựa cũng nguyện xin làm” (dẫn theo Viện Văn học, 1989: 391). Ông tuyên bố: “Giặc Mông Thát với ta, là kẻ thù không đội trời chung, mà các ngươi cứ điềm nhiên không muốn rửa nhục, không lo trừ hung, lại không dạy quân sĩ, chẳng khác nào quay mũi giáo mà xin đầu hàng, giơ tay không mà chịu thua giặc (dẫn theo Viện Văn học, 1989: 392).

Ông chỉ rõ cho tướng sĩ biết trung với vua, xả thân chết vì nước là vinh. Còn để thua, hàng giặc, mất nước phải mang danh là tướng bại trận, là nhục. Trên tinh thần đó và với tư cách là một chủ tướng, Trần Quốc Tuấn kêu gọi tướng sĩ dưới quyền phải chăm chỉ học tập binh thư, rèn luyện võ nghệ để ai nấy cũng đều giỏi như Bàng Mông, Hậu Nghệ, có thể bêu

đầu Hốt Tất Liệt, rửa thịt Vân Nam vương; xem đó như một lời thề thiêng liêng, một quyết tâm sắt đá sống chết với kẻ thù.

Quyết tâm chiến thắng quân giặc, bảo vệ đất nước, Trần Quốc Tuấn hết lòng xây dựng và củng cố quân đội với những quan điểm độc đáo, phù hợp với tình hình đất nước trong thế đối đầu với một kẻ thù hùng mạnh, hung tàn. Điều đó thể hiện qua hai tư tưởng quân sự nổi bật nhất của ông gồm:

Thứ nhất, quân quý ở tinh nhuệ không dựa vào số đông.

Trần Quốc Tuấn nhấn mạnh phương châm: “Quân quý ở tinh nhuệ, không quý ở số đông. Dẫu đến 100 vạn quân mà như Bò Kiên, thì cũng làm được gì?” (theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, 1988: 59). Để xây dựng quân đội mạnh chiến thắng được kẻ thù, ông đặc biệt chú ý đến hai yếu tố: một là, tướng sĩ một lòng như cha con, và tướng lĩnh phải có năng lực chỉ huy. Bởi lẽ, mọi thành bại trên chiến trường phần lớn tùy thuộc vào năng lực cầm quân của họ. Trong *Binh thư yếu lược* ông viết: “Quân cần giỏi không cần nhiều. Nên chọn những người khỏe mạnh mà dùng, không lấy nhiều người nhỏ yếu để thêm số lượng” (dẫn theo Viện Sử học 1977: 34); hai là, quân tinh nhuệ trước hết phải yêu nước, tinh thông võ nghệ, trung thành với triều đình và nhân dân, có ý chí “Sát Thát”, “phụ tử chi binh”; và phải có kỷ luật: “Quân không kỳ nhiều hay ít, địch không kỳ mạnh hay yếu, ba quân theo lệnh như cánh tay

hiển ngón tay” (Viện Sử học, 1977: 63-63); đồng thời binh tướng phải giỏi binh pháp, chiến lược, chiến thuật.

Trần Quốc Tuấn yêu cầu các tướng lĩnh phải thạo phép dụng binh, tổ chức và chỉ huy tốt đạo quân của mình: “Dùng binh phải biết rõ tình hình của địch hư thực thế nào, rồi nhắm ngay vào chỗ nguy mà đánh. Địch mới ở xa, đến hàng ngũ chưa ổn, có thể đánh; ăn mà chưa phòng bị, có thể đánh; đương rối ren, có thể đánh; mệt nhọc, có thể đánh; chưa được địa lợi, có thể đánh; [...]” (dẫn theo Viện Sử học, 1977: 94-95). Để bảo đảm đánh thắng được quân địch mạnh mà không hao tổn nhiều, ông căn dặn các tướng lĩnh rằng, người dùng binh giỏi phải biết thời thế và vận dụng cách đánh hợp thời thế: “Thế có lúc không thể đánh ngay được thì nên kéo dài; thế địch rất sắc, tạm thời phải chờ nó lơ là; địch đến rất nhiều, tạm thời phải chờ nó trễ nải; gọi quân chưa đến, phải chờ tập hợp được; người mới chưa phụ hiệp, phải chờ họ tin; [...] Động là phải không thua; quân ra phải vẹn toàn; việc binh không có làm thử” (dẫn theo Viện Sử học, 1977: 188). Với tinh thần yêu nước thương dân, trong chiến trận, ông yêu cầu người làm tướng trước hết phải vì dân vì nước: “Phàm động binh phải đắn đo có lợi cho nhà nước, giúp đỡ được nhân dân, thêm trọng được uy danh thế lực” (dẫn theo Viện Sử học, 1977: 217).

Thứ hai, quan điểm “dĩ đoản chế trường” (以短制長).

Thực chất của nghệ thuật “dĩ đoản chế trường” là lấy yếu đánh mạnh, lấy ít địch nhiều, phát huy mặt mạnh của ta, hạn chế mặt mạnh của địch để thắng địch, một trong những chiến thuật quân sự cơ bản và độc đáo. Vận dụng nghệ thuật “dĩ đoản chế trường” trong chỉ đạo chiến tranh, Trần Quốc Tuấn chủ trương tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu. Ông cho rằng “ít có thể thắng nhiều yếu có thể thắng mạnh” (dẫn theo Viện Sử học, 1977: 224), cho nên “phàm hay lấy ít mà thắng nhiều, lấy yếu mà địch mạnh, lấy nhỏ mà chế lớn, thế mới gọi là thiện chiến” (dẫn theo Viện Sử học, 1977: 236). Quân đội tinh nhuệ “lấy đoản chế trường” không chỉ đúng đắn về mặt chiến lược, chiến thuật, mà còn đúng với từng trận đánh, trong nhiều trường hợp cụ thể cũng có thể lấy ít đánh nhiều, lấy yếu địch mạnh, mạnh mà bị đánh bất ngờ cũng có thể thua, và Trần Quốc Tuấn coi đó là sự thường trong binh pháp. Từ quan điểm này, trong thực tiễn kháng chiến, Trần Quốc Tuấn đã tạo nên một nghệ thuật quân sự độc đáo: nghệ thuật chỉ đạo rút lui chiến lược; nghệ thuật tạo thế, tạo thời cơ phản công chiến lược; nghệ thuật tạo thế trận cả nước đón giặc, cả nước chống giặc, trăm họ đều là quân lính (Bách tính giai binh). Quân Nguyên xâm lược nước ta, chúng phải di chuyển xa, không tránh khỏi tiêu hao sức lực, ông chủ trương: “Lấy gần đọai xa, lấy nhàn đọai nhọc, lấy no mà đọai đói” (dẫn theo Viện Sử học, 1977: 228). “Địch đánh có lợi, đánh không có lợi, thì ta cầm... Cầm

cho nó đã mệt, bấy giờ ta nổi dậy mà đánh, thì sức vẹn mà công nhiều. Đánh gấp thì thừa cơ, lợi hoãn thì cầm lại. Thấy chắc thì phòng, thấy mạnh thì tránh, trêu cho nó tức, nhún cho nó kiêu, nó nhàn thì khiến cho nó nhọc kéo dài để bền sức mình, cầm lâu để cầm khốn địch. Dùng sau làm trước, đó là điều bí của phép binh” (dẫn theo Viện Sử học, 1977: 190).

Thực tiễn kháng chiến chống quân Nguyên cho thấy việc tổ chức, xây dựng lực lượng quân đội của ông là đúng đắn, sáng tạo. Với tư tưởng quân sự và khả năng tổ chức kháng chiến thiên tài, qua việc đào tạo, chỉ huy một đội ngũ tướng sĩ tài trí, mưu lược và trung thành, Trần Quốc Tuấn đã thực sự xây dựng được một đội quân tinh nhuệ để đánh thắng quân Nguyên, quân đội của một đế quốc hùng mạnh nhất thời bấy giờ, hoàn thành mục tiêu bảo vệ đất nước và vương triều.

2.2. Tư tưởng yêu nước thể hiện qua quan điểm trọng dân, lấy dân là gốc nước, khoan sức dân

Tư tưởng chính trị thời Lý - Trần đánh dấu bước ngoặt phát triển mới về tư duy chính trị, bước chuyển căn bản từ tư tưởng chủ quyền, độc lập dân tộc sang tư tưởng xây dựng một quốc gia bền vững, phong tục phồn vinh; đề cao triết lý xây dựng một quốc gia độc lập, cường thịnh, vận nước lâu dài, đem lại hạnh phúc cho nhân dân. Tư tưởng chính trị thời kỳ này được biểu hiện sinh động thông qua các quan niệm, triết lý chính trị sâu sắc về “ý

dân”, “lòng dân”, “thân dân” thể hiện tầm nhìn chiến lược trong giai đoạn lịch sử mới (Phạm Trường Sinh, 2013: 2). Trên cơ sở tiếp thu, kế thừa truyền thống văn hóa dân tộc, các giá trị thời đại và trải nghiệm thực tiễn các cuộc kháng chiến chống quân Nguyên bạo tàn, củng cố, xây dựng đất nước Đại Việt ở thế kỷ XIII, Trần Quốc Tuấn đã có quan điểm sâu sắc về nhân dân, được thể hiện trong các nội dung: dân là gốc nước (民為邦本), thân yêu dân (親民) và khoan sức dân (寬民力).

Trong *Binh thư yếu lược*, ông viết: “Dân là gốc của nước, gốc bị sâu thì nguyên khí suy” (dẫn theo Viện Sử học, 1977: 249). Gốc ở đây chính là căn nguyên, nguồn cội và là nguyên nhân của sự hưng thịnh hay suy vong của triều đại, quốc gia. Theo Trần Quốc Tuấn, dân chính là gốc rễ, nguồn cội, nền tảng của sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Cho nên theo ông, muốn phát huy được sức mạnh của dân thì cần chăm lo cho đời sống nhân dân; quan tâm, yêu thương, đối xử với dân, với lính như con em; đoàn kết nhân dân. Trả lời vua Trần Anh Tông hỏi về kế sách giữ nước, Trần Quốc Tuấn đã khái quát thành quan điểm, là bài học và ý nghĩa lịch sử sâu sắc cho mọi thời đại: “Khoan sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước” (dẫn theo Viện Văn học, 1988: 397). “Khoan” (寬) nghĩa là “nới”, “rộng mở”, “khoan hồng”, “rộng lớn”, “độ lượng”; và “lực” (力) chính là “sức lực”, “tài lực”, “thể lực”, “trí lực”, là tài năng, khả năng;

“khoan sức dân” chính là phải bồi dưỡng sức lực của dân, quan tâm, chăm lo cho đời sống của dân cả về vật chất lẫn tinh thần; là rộng mở tấm lòng yêu thương, quý trọng dân. Cốt lõi của tư tưởng khoan thư sức dân là sử dụng nguồn lực sức dân một cách khoan nói, hợp thời để dân được sinh sống bình an. Cái gốc ấy (nhân dân) có vững thì cái thân ấy (triều đại) mới bền, dân có hưng thì nước mới thịnh. Đây chính là cái “thâm căn cố đế chi kế” (深根固柢之計) của Trần Quốc Tuấn.

Tư tưởng “khoan sức dân” đó của ông được thể hiện rất rõ trong đường lối dựng nước và giữ nước mà ông chủ trương. Với nhãn quan chính trị sâu sắc, ông hiểu hơn ai hết rằng đứng trước một kẻ thù xâm lược mạnh, nếu chỉ dựa vào quân đội và vũ khí mà không dựa vào dân thì không thể nào chống lại được. Sau khi chiến thắng quân Nguyên vua Trần Nhân Tông định xây dựng lại kinh thành Thăng Long đã bị địch tàn phá, ông đã can vua rằng: “Việc sửa chữa kinh thành không cần kíp lắm. Việc cần kíp triều đình phải làm ngay không chậm trễ được là úy lạo nhân dân... Có như thế nhân dân mới nức lòng càng quy hướng triều đình hơn nữa. Người xưa nói: “chúng chí thành thành”, ý chí của dân chúng là bức tường thành kiên cố, đó mới là cái cần sửa chữa ngay xin nhà vua xét kỹ” (Phạm Ngọc Phụng, 1975: 95). Ông cho rằng, một nước nhỏ chống lại một nước lớn có binh hùng tướng mạnh phải có cách đánh riêng, phải huy động được sức của

trăm họ. Muốn vậy, phải lấy dân là gốc của nước, thân dân, khoan sức dân và cổ kết lòng dân để làm cái kế rễ sâu gốc vững, chứ không nên sách nhiễu dân làm kiệt sức dân, lòng dân ly tán, phải làm cho lòng dân yên vui chứ không phải là ưu phiền.

Trong lĩnh vực quân sự, với tư tưởng trọng dân, xem “dân là gốc của nước” (Viện Sử học, 1977: 249), Trần Quốc Tuấn luôn cho rằng muốn sự nghiệp dựng nước và giữ nước thành công tất phải dựa vào dân. Trên tinh thần và ý chí “vua tôi đồng lòng”, “cả nước góp sức” (Viện Văn học, 1989: 397), Trần Quốc Tuấn đã tạo nên thế trận của cuộc chiến tranh nhân dân “cả nước đón giặc”, “cả nước chống giặc”, đánh giặc ở khắp nơi theo mệnh lệnh kháng chiến của triều đình: “Tất cả các quận huyện trong nước, nếu có giặc ngoài đến, phải liều chết mà đánh, nếu sức không được nổi thì cho phép lẫn tránh vào rừng núi, không được đầu hàng” (Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm, 2003: 198). Trong di chúc, ông đã tổng kết và chỉ ra nguyên nhân phá được giặc Tống ở triều đại Đinh, Lê là do: “Trên dưới cùng ý nguyện, lòng dân không chia lìa” (dẫn theo Viện Văn học, 1989: 397) và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân Nguyên xâm lược chính là “nhờ vua tôi đồng lòng, anh em hòa thuận, cả nước dồn sức lại mà bọn chúng đành phải chịu trôi” (dẫn theo Viện Văn học, 1989: 397). Là một vị tướng tài ba, ông hiểu rõ vai trò của dân trong sự nghiệp giữ nước: “Chim hồng

hộc muốn bay cao phải nhờ ở sáu trụ cánh. Nếu không có sáu trụ cánh ấy thì cũng là chim thường thôi” (theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, 1988: 51). Ông đã vạch ra đường lối kháng chiến dựa vào lòng dân và ý chí quật cường của dân tộc cùng với việc vận dụng chính sách “ngụ binh ư nông” hết sức sáng tạo, tạo nên sức mạnh chiến tranh nhân dân giữ nước vĩ đại, làm cho quân giặc không những không phát huy được sở trường của chúng, mà còn bộc lộ sở đoản, khiến chúng đại bại, buộc phải tháo chạy về nước.

2.3. Tư tưởng yêu nước thể hiện qua tinh thần đoàn kết thống nhất

Đứng trước kẻ thù mạnh hơn rất nhiều, Trần Quốc Tuấn xem vấn đề cốt lõi cần thực hiện để có thể chiến thắng là xây dựng khối đoàn kết, thống nhất toàn dân, mà trước hết, hạt nhân là đoàn kết trong triều đình. Thực hiện tư tưởng này, ông đã chủ động hòa hiếu với Thái sư Trần Quang Khải, xóa bỏ mọi hiềm khích nội bộ triều đình để xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong toàn dân vì nghĩa cả thiêng liêng cứu nước. Chính yếu tố đoàn kết trong triều đình, dòng họ, tướng sĩ đã phát huy cao độ sức mạnh đoàn kết toàn dân, trở thành một trong những nguồn sức mạnh đánh bại kẻ thù. Trong xây dựng quân đội, ông yêu cầu phải “gây dựng được một đội quân cha con, rồi mới có thể dùng được” (父子之兵一心) (đội quân cha con một lòng) (Viện Văn học, 1989: 397). Trong quân có người ốm “tướng phải thân hành đem thuốc điều

trị; quân có người chết tướng phải khóc thương; phàm có khao thưởng thì phải chia đều cho quan quân; khi có hành động thì phải họp cả tướng tá để bàn, mưu đã định rồi sau mới đánh. Cho nên tướng với binh có cái ơn hòa rượu và hút máu [...] Tướng sùỵ coi quân sĩ như cỏ rác thì quân sĩ coi tướng sùỵ như cừu thù” (Viện Sử học, 1977: 64-65).

Nhấn mạnh tinh thần đoàn kết giữa các tướng sĩ, Trần Quốc Tuấn yêu cầu tướng phải yêu thương quân lính, gắn bó mật thiết, chia ngọt sẻ bùi, đồng cam cộng khổ với họ “không có mặc thì ta cho áo, không có ăn thì ta cho cơm. Quan thấp thì ta thăng tước; lộc ít thì ta cấp lương. Đi thủy thì ta cho thuyền; đi bộ thì ta cho ngựa. Lâm trận mạc thì cùng nhau sống chết, được nhàn hạ thì cùng nhau vui cười” (dẫn theo Viện Văn học, 1989: 391). Đánh giá cao sức mạnh đoàn kết trong việc giữ nước, Trần Quốc Tuấn đã tổng kết: “Mới rồi Toa Đô và Ô Mã Nhi bốn mặt bao vây, nhờ vua tôi đồng lòng, anh em hòa thuận, cả nước dồn sức lại mà bọn chúng đành phải chịu trôi [...]” (dẫn theo Viện Văn học, 1989: 397).

Từ tư tưởng quân sự với các quan điểm nhân dân “đón giặc” để “chống giặc”, chú trọng xây dựng đội quân tinh nhuệ với ý chí “sát thát”, “đội quân

cha con” đồng lòng, cùng chiến thuật “dĩ đoản chế trường” độc đáo, tài tình vận dụng trong chiến đấu chống quân Nguyên thắng lợi đã cho thấy giá trị trường tồn về lý luận và thực tiễn quân sự Trần Quốc Tuấn.

3. KẾT LUẬN

Tư tưởng yêu nước của Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn không chỉ dựa trên điều kiện lịch sử, kinh tế, xã hội mà còn là sự phản ánh nhu cầu cấp thiết của xã hội Đại Việt trong quyết tâm chống xâm lược, giữ gìn độc lập dân tộc.

Thấy được sức mạnh từ dân, nhưng Trần Quốc Tuấn luôn phát huy sức dân theo tinh thần ‘khoan thư’ cả trong đường lối cai trị xã hội cũng như trong chiến đấu chống giặc ngoại xâm. Quan điểm quân sự “dĩ đoản chế trường”, lấy ít thắng nhiều, lấy ít địch mạnh, lựa thế đánh, xây dựng đội quân tinh nhuệ, tướng tài, quân có kỷ luật... mà ông sử dụng đều nhằm thắng giặc mà có thể ít hao tổn sức dân nhất. Sự thống nhất đó trong tư tưởng chính trị và quân sự của ông là một biểu hiện sâu sắc của tinh thần yêu nước nồng nàn. Tư tưởng đó không chỉ có giá trị sâu sắc trong lịch sử, mà cho đến nay vẫn còn có ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn thiết thực đối với sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. □

CHÚ THÍCH

(1) https://vi.wikipedia.org/wiki/V%E1%BA%A1n_Ki%E1%BA%BFp_t%C3%B4ng_b%C3%AD_truy%E1%BB%81n_th%C6%B0.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. *Binh gia diệu lý yếu lược* (兵家妙理要略). 1974. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
2. *Đại Việt sử ký toàn thư* – Tập 2. 1988. Hà Nội : Nxb. Khoa học Xã hội.
3. Hà Văn Tấn - Phạm Thị Tâm. 2003. *Cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông xâm lược*. Hà Nội: Nxb. Quân đội Nhân dân.
4. Phạm Ngọc Phụng. 1975. *Tổ tiên ta đánh giặc*. Sài Gòn: Nxb. Quân Giải phóng.
5. Phạm Trường Sinh. 2013. “Tư tưởng chính trị và quân sự của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn”. *Tạp chí Khoa học Xã hội*, số 4(176), tr. 1-8.
6. Viện Sử học. 1977. *Binh thư yếu lược*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
7. Viện Văn học. 1989. *Thơ văn Lý - Trần* – Tập 2. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.